

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi Điều lệ và thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty

**Kính thưa: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
HÀNG KHÔNG TRE VIỆT**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Hàng không Tre Việt (“**Công ty**”);
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty,

Hội đồng Quản trị (“**HDQT**”) Công ty Cổ phần Hàng không Tre Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCD**”) thông qua các nội dung sau đây:

1. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty

HDQT kính trình ĐHĐCD thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty (Dự thảo Điều lệ Công ty được đính kèm theo Tờ trình này).

2. Thông qua việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty

Nhằm thực hiện các mục tiêu kinh doanh của Công ty trong thời gian tới và đáp ứng tốt hơn yêu cầu quản lý, điều hành Công ty, HDQT kính trình ĐHĐCD thông qua việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty, cụ thể:

- Thay đổi số lượng người đại diện theo pháp luật của công ty: từ 01 (một) người đại diện theo pháp luật (theo Điều lệ Công ty hiện hành) lên 03 (ba) người đại diện theo pháp luật; và
- Bổ sung các chức danh người đại diện theo pháp luật của công ty: bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và 01 (một) Thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có trách nhiệm lựa chọn một trong số các Thành viên Hội đồng quản trị làm người đại diện theo pháp luật thứ ba của Công ty.

HDQT kính trình ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HDQT quyết định quyền và nghĩa vụ của từng Người đại diện theo pháp luật phù hợp với quy định pháp luật và thực tiễn quản lý, quản trị, điều hành hoạt động Công ty.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua việc sửa đổi Điều lệ và thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Trân trọng cảm ơn!

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HDQT



Nguyễn Ngọc Trọng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG TRE VIỆT

Hà Nội, Tháng năm 2023

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	4
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. ĐỊNH NGHĨA	4
Điều 2. NGUYÊN TẮC GIẢI THÍCH	5
CHƯƠNG II	5
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 3. TÊN GỌI, LOẠI HÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 4. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	6
Điều 5. QUYỀN CỦA CÔNG TY	14
Điều 6. NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY	15
Điều 7. VỐN ĐIỀU LỆ	15
Điều 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC CỔ ĐÔNG	17
Điều 9. CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	17
Điều 10. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG	17
Điều 11. CỔ PHẦN ƯU ĐÃI	19
Điều 12. CỔ PHIẾU VÀ SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG	19
Điều 13. CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN	20
Điều 14. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG	21
Điều 15. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY	21
Điều 16. ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN VÀ XỬ LÝ CÁC CỔ PHẦN ĐƯỢC MUA LẠI	22
Điều 17. THU HỒI TIỀN THANH TOÁN CỔ PHẦN MUA LẠI HOẶC CỔ TỨC	22
Điều 18. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY	22
Điều 19. QUYỀN HẠN CỦA ĐHĐCĐ	23
Điều 20. CUỘC HỌP CỦA ĐHĐCĐ	23
Điều 21. QUYỀN DỰ HỌP ĐHĐCĐ	24
Điều 22. TRIỆU TẬP HỌP ĐHĐCĐ, CHƯƠNG TRÌNH NỘI DUNG VÀ THÔNG BÁO MỜI HỌP	25
Điều 23. THẺ THỨC, ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐHĐCĐ	26
Điều 24. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ	27
Điều 25. BIÊN BẢN CUỘC HỌP ĐHĐCĐ	29
Điều 26. HIỆU LỰC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ VÀ YÊU CẦU HỦY BỎ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ	30
Điều 27. THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỲ	30
Điều 28. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT	31
Điều 29. CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT	32
Điều 30. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM THÀNH VIÊN HĐQT	33
Điều 31. CUỘC HỌP HĐQT	33
Điều 32. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG	35
Điều 33. TỔNG GIÁM ĐỐC	35
Điều 34. LAO ĐỘNG	36
Điều 35. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY	36
Điều 36. TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG	37
Điều 37. THÀNH LẬP BKS	37
Điều 38. CỔ TỨC	39
Điều 39. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG	40
Điều 40. NĂM TÀI CHÍNH	40
Điều 41. BÁO CÁO VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	41
Điều 42. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH TRONG TƯƠNG LAI	41
Điều 43. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HÀNG NĂM	41
Điều 44. KIỂM TOÁN	41
Điều 45. CON DẤU CỦA CÔNG TY	41

Điều 46.	BÁO CÁO.....	41
Điều 47.	BẢO MẬT	42
Điều 48.	GIẢI THỂ.....	42
Điều 49.	THANH LÝ	43
Điều 50.	THÔNG BÁO.....	43
Điều 51.	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP	44
Điều 52.	NGÀY HIỆU LỰC.....	44

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh Nghiệp;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Hàng không Tre Việt ("**Công Ty**") được thông qua ngày/...../2023.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. ĐỊNH NGHĨA

Trừ khi các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều Lệ này quy định khác đi, các thuật ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

1. “(Các) **Cổ Đông**” có nghĩa là cá nhân, pháp nhân hoặc bất kỳ tổ chức nào sở hữu ít nhất một (01) Cổ Phần của Công Ty và tên của họ cùng các thông tin khác mà Pháp Luật yêu cầu được nêu trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông của Công Ty với tư cách là chủ sở hữu của các Cổ Phần.
2. “(Các) **Cổ Phần**” có nghĩa là (các) Cổ phần Phổ thông và (các) Cổ phần Ưu đãi của Công Ty (nếu có).
3. “**Đại Hội Đồng Cổ Đông**” hoặc “**DHĐCD**” có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông của Công Ty như quy định tại Điều 19 của Điều Lệ này.
4. “**Điều Lệ**” có nghĩa là bản Điều lệ này của Công Ty và các bản sửa đổi, bổ sung kèm theo (nếu có).
5. “**Hội Đồng Quản Trị**” hoặc “**HDQT**” có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công Ty như quy định tại Điều 27 của Điều Lệ này.
6. “**Ban Kiểm soát**” hoặc “**BKS**” có nghĩa là Ban kiểm soát của Công Ty như được quy định tại Điều 37 của Điều Lệ này.
7. “**Kiểm Soát Viên**” hoặc “**KSV**” có nghĩa là kiểm soát viên của Công Ty như được quy định tại Điều 37 của Điều Lệ này.
8. “**Luật Doanh Nghiệp 2020**” hay “**Luật Doanh Nghiệp**” có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.
9. “**Ngày Thành Lập**” là ngày mà Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu của Công Ty được cấp.
10. “**Người Có Liên Quan**” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:
 - a) Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;
 - b) Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;
 - c) Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, thuê mướn cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty;
 - d) Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên;

đ) Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;

e) Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản này;

g) Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty.

11. “Pháp Luật” có nghĩa là Hiến pháp, Bộ luật, Luật, Pháp lệnh, Nghị định và các văn bản pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để điều chỉnh các quan hệ liên quan đến hoạt động của Công Ty; và các điều ước quốc tế được Việt Nam tham gia ký kết hoặc công nhận.

12. “Sổ Đăng Ký Cổ Đông” có nghĩa là Sổ đăng ký cổ đông của Công Ty được lập và lưu giữ theo quy định tại Điều 122 Luật Doanh Nghiệp.

13. “Thời Hạn Hoạt Động” có nghĩa là thời hạn hoạt động của Công Ty được quy định tại Điều 3 của Điều Lệ này và bất kỳ gia hạn nào được thông qua bởi Nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc/và được sự phê chuẩn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

14. “Sở Giao Dịch Chứng Khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

15. “Vốn Điều Lệ” có nghĩa là phần vốn mà các Cổ Đông đóng góp theo quy định tại Điều 7 của Điều Lệ này.

Điều 2. NGUYÊN TẮC GIẢI THÍCH

1. Trong Điều Lệ này, tham chiếu tới điều khoản hoặc văn bản bất kỳ sẽ bao gồm các sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của văn bản đó.
2. Các tiêu đề được sử dụng chỉ để thuận tiện theo dõi và không ảnh hưởng đến việc giải thích và nội dung của các điều khoản của Điều Lệ này.
3. Bất kỳ từ ngữ hoặc thuật ngữ nào đã được quy định tại Luật Doanh Nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ đề hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều Lệ này.

CHƯƠNG II CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 3. TÊN GỌI, LOẠI HÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Tên Công Ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG TRE VIỆT**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **BAMBOO AIRWAYS JOINT STOCK COMPANY**

Tên công ty viết tắt: **BAMBOO AIRWAYS JSC**

2. Trụ sở chính của Công Ty: Khu số 4, Khu du lịch biển Nhơn Lý - Cát Tiến, xã Nhơn Lý, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Điện thoại: 024 3233 3233

Công Ty là một công ty cổ phần có tư cách pháp nhân độc lập được thành lập theo quy định của Pháp Luật. Trong quá trình hoạt động, Công Ty phải tuân thủ Pháp Luật và các quy định tại Điều Lệ này. Trách nhiệm của các Cổ Đông đối với các bên thứ ba chỉ giới hạn trong phần vốn góp của mình trong tổng số Vốn Điều Lệ của Công Ty. Công Ty là một pháp nhân độc lập không chịu trách nhiệm đối với các khoản vay nợ hoặc các trách nhiệm khác của các Cổ Đông, trừ khi có thoả thuận rõ ràng khác. Công Ty hoạt động trên nguyên tắc quản lý kinh tế độc lập phù hợp với Điều Lệ Công Ty, Pháp Luật và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Công ty có 03 (ba) Người đại diện theo pháp luật là: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và 01 (một) Thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có trách nhiệm lựa chọn một trong số các Thành viên Hội đồng quản trị làm người đại diện theo pháp luật thứ ba của Công ty. Hội Đồng Quản Trị quyết định quyền và nghĩa vụ của từng Người đại diện theo pháp luật.

4. Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Công Ty:

HDQT Công Ty quyết định việc duy trì, thành lập, lập, chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, giao dịch của Công Ty phù hợp với quy định của Pháp Luật.

5. Tuỳ thuộc vào việc chấm dứt trước thời hạn theo quy định tại Điều 48 của Điều Lệ này, Thời Hạn Hoạt Động của Công Ty là vô thời hạn kể từ Ngày Thành Lập. Công Ty có thể thay đổi thời hạn hoạt động theo một Nghị quyết của ĐHĐCĐ và/hoặc quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 4. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công Ty như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Vận tải hành khách hàng không	5110 (Chính)
2.	Vận tải hàng hóa hàng không	5120
3.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Đối với những ngành nghề có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được hoạt động sản xuất, kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật	8299
5.	Đào tạo sơ cấp	8531
6.	Đào tạo trung cấp	8532
7.	Đào tạo cao đẳng	8533
8.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Dịch vụ tư vấn giáo dục	8560

9.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế Chi tiết: Hoạt động của các bệnh viện	8610
10.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
11.	Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên	9103
12.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao Chi tiết: Các câu lạc bộ chơi golf, bowling và bơi lội	9312
13.	Hoạt động thể thao khác	9319
14.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
15.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên; - Dịch vụ vui chơi, giải trí	9329
16.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage	9610
17.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
18.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
19.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
20.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
21.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
22.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
23.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Lập dự án, quản lý dự án các công trình: giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, điện	7110
24.	Quảng cáo	7310

25.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động phiên dịch	7490
26.	Cho thuê xe có động cơ	7710
27.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại	4719
28.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
29.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
30.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
31.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) Chi tiết: - Sửa chữa và bảo dưỡng máy bay - Sửa chữa và bảo dưỡng các động cơ máy bay - Sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị lắp trên máy bay	3315
32.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Phân phối điện trong các khu đô thị	3512
33.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Phân phối nước trong các khu đô thị	3600
34.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
35.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
36.	Xây dựng nhà để ở	4101
37.	Xây dựng nhà không để ở	4102
38.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
39.	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng đường băng sân bay, đường lăn máy bay, sân đỗ máy bay	4212
40.	Xây dựng công trình điện	4221
41.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
42.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
43.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
44.	Xây dựng công trình thủy	4291
45.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292

46.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
47.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
48.	Phá dỡ	4311
49.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
50.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt đèn trên đường băng sân bay	4321
51.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
52.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
53.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
54.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
55.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi trở lên, ô tô vận tải	4511
56.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
57.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
58.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
59.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa, môi giới thương mại	4610
60.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).	4659
61.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
62.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...;	4663

63.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...;	4669
64.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
65.	Khai thác quặng sắt	0710
66.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
67.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
68.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác Chi tiết: Thăm dò quặng theo phương pháp thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất tại nơi thăm dò	0990
69.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
70.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
71.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
72.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
73.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như: Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ; - Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự; - Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện;	2599
74.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
75.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
76.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
77.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương Chi tiết: Vận tải hành khách ven biển	5011
78.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: Vận tải hàng hóa ven biển	5012
79.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
80.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
81.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
82.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229

	Chi tiết: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển hoặc đường hàng không; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không; - Môi giới thuê tàu biển và máy bay; - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá.	
83.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Kinh doanh khách sạn, khu du lịch sinh thái và các dịch vụ liên quan đến khu du lịch sinh thái	5510
84.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	5610
85.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
86.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
87.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
88.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
89.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi Tiết: Cho thuê máy bay, trang thiết bị , dụng cụ phục vụ khai thác, sửa chữa bảo dưỡng máy bay, phương tiện bay không kèm người điều khiển	7730
90.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
91.	Đại lý du lịch	7911
92.	Điều hành tua du lịch	7912
93.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; Dịch vụ lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và dịch vụ phục vụ khách du lịch; Dịch vụ trao đổi khách, kết nối tua và các dịch vụ đặt chỗ khác có liên quan đến du lịch như vận tải, khách sạn, nhà hàng, cho thuê xe, dịch vụ giải trí, thể thao	7990
94.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
95.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110

	Chi tiết: Cung cấp các dịch vụ làm sạch thông thường bên trong, bảo dưỡng, dọn dẹp rác, bảo vệ, gửi thư, lễ tân, giặt là và các dịch vụ có liên quan theo yêu cầu của khách hàng tại cơ sở lưu trú ngắn ngày	
96.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
97.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
98.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
99.	Bán lẻ đồ ngũ kim, son, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
100.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
101.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
102.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tín ngưỡng khác; - Bán lẻ tranh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật khác mang tính thương mại;	4773
103.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển Chi tiết: - Sản xuất thiết bị kiểm tra, đo lường, định hướng, thiết bị hàng không, hàng hải, bao gồm phao âm;	2651
104.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng Chi tiết - Sản xuất thiết bị chiếu sáng cho máy bay	2740
105.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: - Sản xuất thiết bị hạ cánh máy bay, máy phóng máy bay vận tải và thiết bị liên quan; - Sản xuất máy kiểm tra, phục hồi tính năng, tra nạp hoạt chất, hóa chất cho máy bay	2829
106.	Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan Chi tiết: - Sản xuất, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị tàu bay. - Sản xuất các bộ phận và phụ tùng máy bay như: linh kiện chính như thân máy bay, cánh, cửa, bề mặt điều khiển, thiết bị hạ cánh, thùng nhiên liệu, vỏ động cơ máy bay, thiết bị chiếu sáng...; Cánh quạt máy bay, khối quay máy bay lên thẳng và khối động cơ đẩy, Máy và động cơ trên máy bay, - Sản xuất phụ tùng hạ cánh máy bay, bộ phận hãm...;	3030

	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất máy bay đào tạo phi công dưới đất; - Đại tu và thay đổi máy bay hoặc động cơ máy bay; - Sản xuất ghế ngồi cho máy bay. - Sản xuất các chi tiết cấu kiện trong cabin máy bay (ốp vách, trần cabin, Buồng vệ sinh, Bếp, ốp ghế, thảm, rèm, áo ghế), thân vỏ máy bay, động cơ 	
107.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học Chi tiết: - Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị điện tử, quang học lắp trên máy bay và động cơ máy bay;	3313
108.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không Chi tiết: - Dịch vụ điều hành bay, - Dịch vụ điều hành hoạt động cảng hàng không - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải hàng không - Các dịch vụ hỗ trợ hàng không: dịch vụ mặt đất bao gồm dịch vụ hành khách, dịch vụ bảo trì, làm sạch và cung cấp các dịch vụ khác cho máy bay đỗ tại nhà ga sân bay, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ cung cấp ăn uống; Dịch vụ cung cấp phụ tùng máy bay; Dịch vụ tiếp nhiên liệu máy bay;	5223
109.	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: - Bốc xếp hàng hóa cảng hàng không, Bốc xếp hàng hóa lên, xuống máy bay tại các cảng hàng không	5224
110.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo, huấn luyện phi công, tiếp viên, nhân viên kỹ thuật, bảo dưỡng máy bay và nghiệp vụ nhân viên hàng không	8559
111.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
112.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
113.	Hoạt động viễn thông vệ tinh	6130
114.	Hoạt động viễn thông khác	6190
115.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm	6622
116.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Sản giao dịch thương mại điện tử	4791
117.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
118.	Cổng thông tin	6312
119.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789

	Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh; đồng hồ, kính mắt; gốm sứ, thủy tinh, vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức; hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ; cuộn bọc hành lý; hàng hóa khác chưa được phân vào đâu (bao gồm kinh doanh hàng miễn thuế).	
120.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ.	4782
121.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ. Chi tiết: Bán lẻ thiết bị viễn thông, thiết bị ngoại vi (bao gồm kinh doanh hàng miễn thuế).	4783
122.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ.	4784
123.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ. Chi tiết: Bán lẻ thiết bị dụng cụ thể dục thể thao, trò chơi và đồ chơi lưu động hoặc tại chợ.	4785
124.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
125.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
126.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
127.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
128.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ chơi được làm từ mọi chất liệu	4764
129.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

2. ĐHĐCĐ của Công Ty có thể quyết định thay đổi hoặc bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công Ty theo quy định của Pháp Luật.

CHƯƠNG III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 5. QUYỀN CỦA CÔNG TY

- 1.** Tự do kinh doanh ngành, nghề mà luật không cấm.
- 2.** Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh.
- 3.** Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.

4. Tự do tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.
5. Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.
6. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật về lao động.
7. Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh; được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.
8. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.
9. Từ chối yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân về cung cấp nguồn lực không theo quy định của Pháp Luật.
10. Khiếu nại, tham gia tố tụng theo quy định của Pháp Luật.
11. Quyền khác theo quy định của Pháp Luật.

Điều 6. NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

1. Hoạt động kinh doanh theo quy định của Pháp luật. Bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của Pháp Luật khi kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.
2. Thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, báo cáo và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật.
3. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.
4. Tổ chức công tác kế toán, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
5. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật; không phân biệt đối xử, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không ngược đãi lao động, cưỡng bức lao động hoặc sử dụng lao động chưa thành niên trái pháp luật; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện các chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.
6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, LOẠI CỔ PHIẾU, CHỨNG CHỈ CỔ PHIẾU

Điều 7. VỐN ĐIỀU LỆ

1. Vốn Điều Lệ của Công Ty là: **26.220.000.000.000 VND** (*Bằng chữ: Hai mươi sáu nghìn hai trăm hai mươi tỷ đồng*). Công Ty có thể tăng hoặc giảm Vốn Điều Lệ theo quyết định của HĐQT và phù hợp với quy định của Pháp Luật.

Vốn Điều Lệ được chia thành:

- Tổng số Cổ Phần: 2.622.000.000 Cổ Phần
- Mệnh giá Cổ Phần: 10.000 VNĐ/Cổ Phần
- Loại Cổ Phần: Cổ Phần phổ thông

Vốn Điều Lệ Công Ty có thể được góp bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, cổ phần, các tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam.

2. HĐQT quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, ngoại trừ các trường hợp sau:

- a) Cổ phần bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập.
- b) Cổ phần bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ ở công ty.
- c) Cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh; trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ.
- d) Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do ĐHĐCĐ quy định.

3. Trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, bất kỳ Cổ Phần mới nào dự kiến phát hành sẽ được ưu tiên chào bán tới các Cổ Đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ Cổ Phần mà Cổ Đông đó đang nắm giữ phù hợp với thủ tục quy định tại Điều 124 của Luật Doanh Nghiệp. Công Ty sẽ gửi thông báo bằng văn bản đến các Cổ Đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của Cổ Đông ghi nhận tại Sổ Đăng Ký Cổ Đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua Cổ Phần. Thông báo được gửi đến Các Cổ Đông sẽ có nội dung như quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 124 Luật Doanh Nghiệp. Bất kỳ Cổ Phần nào không được đăng ký mua sẽ thuộc quyền kiểm soát bởi HĐQT. HĐQT sẽ chào bán hoặc phân phối các Cổ Phần đó cho các đối tượng thích hợp, theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT cho là phù hợp, song không được ưu đãi hơn các điều kiện đã chào bán cho các Cổ Đông, trừ khi được ĐHĐCĐ chấp thuận.

4. Công Ty có thể hoặc phải mua lại các Cổ Phần đã phát hành của mình theo yêu cầu của Cổ Đông, theo quyết định của Công Ty hoặc bất kỳ hình thức nào được Luật Doanh Nghiệp cho phép.

5. Công Ty có quyền phát hành trái phiếu có tài sản bảo đảm và/hoặc trái phiếu không có tài sản bảo đảm, trái phiếu chuyển đổi (trái phiếu có thể được chuyển đổi thành Cổ Phần theo các điều kiện được quy định trước), chứng quyền (được phát hành cùng với trái phiếu cho phép người nắm giữ chứng nhận trái phiếu được mua một số lượng Cổ Phần với mức giá và thời gian xác định trước) và các loại chứng khoán khác theo quy định của Pháp Luật. Trừ trường hợp Pháp Luật có quy định khác, HĐQT có quyền quyết định việc phát hành trái phiếu, loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, thời điểm phát hành trái phiếu và các nội dung liên quan khác nhưng phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất.

6. Vốn Điều Lệ sẽ không được sử dụng để chi trả cổ tức cho các Cổ Đông trong bất kỳ trường hợp nào. Trường hợp Công Ty chấm dứt hoạt động trước thời hạn, các quy định liên quan của Pháp Luật sẽ được áp dụng.

Điều 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC CỔ ĐÔNG

1. Các Cổ Đông là chủ sở hữu của Công Ty, có quyền và nghĩa vụ tương ứng với số lượng Cổ Phần và loại Cổ Phần mà họ sở hữu. Quyền và nghĩa vụ của từng Cổ Đông được giới hạn trong phần giá trị tính trên mệnh giá của các Cổ Phần mà Cổ Đông đó nắm giữ.
2. Cổ Đông có các nghĩa vụ sau:
 - a) Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
 - b) Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
 - c) Tuân thủ Điều Lệ công ty và quy chế quản lý nội bộ của Công Ty.
 - d) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT.
 - e) Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều Lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
 - f) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

Điều 9. CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

1. Công Ty không có cổ đông sáng lập tại thời điểm thông qua Điều Lệ.
2. Công Ty sẽ lập Sổ Đăng Ký Cổ Đông phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp để theo dõi và cập nhật danh sách Cổ Đông.

Điều 10. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

1. Người sở hữu Cổ Phần Phổ thông được gọi là Cổ Đông phổ thông.
2. Các Cổ Đông Phổ thông có quyền:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều Lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông tương ứng một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua Cổ Phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu Cổ Phần phổ thông của mình trong Công Ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng Cổ Phần của mình cho người khác trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp Luật, Điều Lệ Công Ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ;
 - đ. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách Cổ Đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ Công Ty, biên bản họp ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ;
 - g. Trong trường hợp Công Ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công Ty, sau khi Công Ty đã thực hiện các khoản thanh

toán cho các chủ nợ và bất kỳ Cổ Đông Ưu đãi nào và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp Luật;

h. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của Pháp Luật;

k. Các quyền khác theo quy định của Điều Lệ và Luật Doanh Nghiệp.

3. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 05% tổng số Cổ Phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Xem xét, tra cứu, và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

b. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 115 Luật Doanh Nghiệp;

c. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; và

e. Các quyền khác theo quy định của Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

5. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 4 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông làm ứng cử viên HĐQT và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

7. Cổ Phần Phổ thông không thể chuyển đổi thành Cổ Phần Ưu đãi.

Điều 11. CỔ PHẦN ƯU ĐÃI

1. Phụ thuộc vào sự phê duyệt của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của Luật Doanh Nghiệp, Công Ty có quyền phát hành các loại Cổ Phần Ưu đãi phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp.

2. Người sở hữu Cổ Phần Ưu đãi được gọi là Cổ Đông Ưu đãi. Cổ Phần Ưu đãi gồm các loại sau đây:

- a. Cổ Phần Ưu đãi cổ tức.
- b. Cổ Phần Ưu đãi hoàn lại,
- c. Cổ Phần Ưu đãi biểu quyết.
- d. Cổ Phần Ưu đãi khác do ĐHĐCĐ hoặc Pháp Luật về chứng khoán quy định.

3. Cổ Phần Ưu đãi có thể được chuyển đổi thành Cổ Phần Phổ thông theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

4. Trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, bất kỳ Cổ Đông Ưu đãi muốn chuyển đổi Cổ Phần Ưu đãi thành Cổ Phần Phổ thông phải gửi thông báo bằng văn bản gửi tới Công Ty nêu rõ số lượng Cổ Phần Ưu đãi mà Cổ Đông đó muốn được chuyển đổi thành Cổ Phần Phổ thông.

5. Khi nhận được Nghị quyết của ĐHĐCĐ phê duyệt việc chuyển đổi đó, Cổ Đông Ưu đãi sẽ chuyển lại cho Công Ty Chứng chỉ Cổ phiếu liên quan tới số Cổ Phần sẽ được chuyển đổi, và Công Ty sẽ phát hành Chứng chỉ cổ phiếu mới cho số Cổ Phần Phổ thông hình thành từ việc được chuyển đổi đó và ghi nhận việc chuyển đổi trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông. Không phụ thuộc vào ngày mà Cổ Đông liên quan nhận được Chứng chỉ cổ phiếu đổi với số Cổ Phần Phổ thông đó, quyền sở hữu đối với số Cổ Phần Phổ thông sẽ được coi như bắt đầu kể từ ngày mà việc chuyển đổi được đăng ký tại Sổ Đăng Ký Cổ Đông.

6. Cổ Phần Phổ thông hình thành từ việc chuyển đổi từ Cổ Phần Ưu đãi sẽ xếp hạng là cùng một loại thống nhất như các Cổ Phần Phổ thông đã được phát hành và mua trước khi có sự chuyển đổi đó.

7. Một Cổ Đông Ưu đãi có các quyền khác theo quy định của Điều Lệ và Luật Doanh Nghiệp.

Điều 12. CỔ PHIẾU VÀ SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG

1. Mọi chứng chỉ Cổ phiếu được phát hành với chữ ký của Người đại diện theo pháp luật, có nội dung phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp. Mỗi chứng chỉ Cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại Cổ Phần.

2. Cổ Đông phải nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần hoặc chứng minh đã thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phần của Công Ty.
3. Trường hợp có sự chuyển nhượng hoặc thay đổi khác của một số Cổ Phần trong các Cổ Phần được quy định trong một Cổ phiếu, thì cổ phiếu cũ sẽ được huỷ bỏ hoặc được sửa đổi.
4. Nếu chứng chỉ Cổ phiếu bị hư hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị xem là bị rơi, mất, hoặc tiêu hủy, một chứng chỉ Cổ phiếu mới ghi nhận số Cổ Phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó, với điều kiện là người đó phải nộp lại cho Công Ty chứng chỉ Cổ phiếu cũ, hoặc (trong trường hợp bị xem là bị rơi, mất, hoặc tiêu hủy) tuân thủ các điều kiện đặt ra liên quan về chứng cứ và bồi hoàn, và (trong bất kỳ trường hợp nào phía trên) phải chịu chi phí của Công Ty. Người nắm giữ chứng chỉ Cổ phiếu có trách nhiệm trong việc bảo quản, giữ gìn giấy chứng nhận. Công Ty không có bất kỳ trách nhiệm nào đối với việc mất mát hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo của chứng chỉ cổ phiếu đó.
5. Liên quan tới Cổ Phần Ưu đãi, ngoài các quy định nêu trên, thì chứng chỉ Cổ phiếu còn phải nêu rõ các hình thức ưu đãi của Cổ Phần đó và/hoặc các nội dung khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.
6. Sổ Đăng Ký Cổ Đông được lập theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông.
7. Trường hợp có bất kỳ thay đổi nào về nội dung Sổ Đăng Ký Cổ Đông liên quan tới bất kỳ Cổ Đông nào, thì Cổ Đông đó phải có trách nhiệm làm thủ tục cần thiết để điều chỉnh. Công Ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

CHƯƠNG V

CHUYỂN NHƯỢNG, THU HỒI VÀ MUA LẠI CỔ PHẦN

Điều 13. CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 của Điều này hoặc theo quy định rõ ràng của Pháp Luật, Điều Lệ này hoặc thỏa thuận khác giữa Các Cổ Đông, tất cả các Cổ Phần đều được tự do chuyển nhượng.
2. Tất cả các Cổ Phần niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Ủy ban Chứng khoán Việt Nam và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
3. HĐQT có toàn quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng đối với bất kỳ Cổ Phần nào chưa được thanh toán đầy đủ.
4. Trong trường hợp Cổ Đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của Cổ Đông đó là Cổ Đông của Công Ty.
5. Trường hợp Cổ Phần của Cổ Đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số Cổ Phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

6. Cổ Đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công Ty cho người khác; sử dụng Cổ Phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của công ty.
7. Đối với Cổ Phần tự do chuyển nhượng, việc chuyển nhượng Cổ Phần sẽ có hiệu lực ngay sau khi tên của người nhận chuyển nhượng Cổ Phần và các thông tin của Cổ Đông như được quy định tại Khoản 2, Điều 122 của Luật Doanh Nghiệp đã được đăng ký trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông.
8. Khi một Cổ Đông là một pháp nhân bị giải thể, phá sản, sáp nhập, chia tách, chuyển đổi hình thức hoạt động, thì mọi quyền và trách nhiệm liên quan tới Cổ Phần của Cổ Đông đó sẽ được giải quyết phù hợp với quy định của Pháp Luật.

Điều 14. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG

1. Cổ Đông đã biểu quyết không thông qua Nghị quyết về việc tổ chức lại Công Ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ Đông theo quy định tại Điều Lệ này có quyền yêu cầu Công Ty mua lại Cổ Phần của mình. Yêu cầu phải được thực hiện bằng văn bản trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ Đông đó, số lượng Cổ Phần từng loại, giá dự định bán và lý do yêu cầu mua lại. Yêu cầu phải được gửi tới Công Ty trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết về các vấn đề được quy định tại Khoản này.
2. Công Ty phải mua lại Cổ Phần theo yêu cầu của Cổ Đông theo quy định tại Khoản 1 của Điều này trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.
3. Trường Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 15. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY

Công Ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số Cổ Phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ Cổ Phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số Cổ Phần của từng loại đã bán trong mười hai (12) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại Cổ Phần do ĐHĐCĐ quyết định;
2. HĐQT quyết định giá mua lại Cổ Phần. Đối với Cổ Phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này. Đối với Cổ Phần loại khác, nếu Điều Lệ Công Ty không quy định hoặc Công Ty và Cổ Đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;
3. Công Ty có thể mua lại Cổ Phần của từng Cổ Đông tương ứng với tỷ lệ Cổ Phần của họ trong Công Ty theo trình tự, thủ tục sau đây:
 - 3.1 Quyết định mua lại cổ phần của Công Ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho Công Ty.

3.2 Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức đề bảo đảm đến được Công Ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công Ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.

Điều 16. ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN VÀ XỬ LÝ CÁC CỔ PHẦN ĐƯỢC MUA LẠI

1. Công Ty chỉ được quyền thanh toán Cổ Phần được mua lại cho Cổ Đông theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Điều Lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số Cổ Phần được mua lại, Công Ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
2. Cổ Phần được mua lại theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Điều Lệ này được coi là Cổ Phần chưa bán theo quy định tại Khoản 4, Điều 112 của Luật Doanh Nghiệp. Công Ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm Vốn Điều Lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các Cổ Phần được Công Ty mua lại trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu Cổ Phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi Cổ Phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với Công Ty.
4. Sau khi thanh toán hết số Cổ Phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công Ty giảm hơn 10% thì Công Ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thanh toán hết số Cổ Phần mua lại.

Điều 17. THU HỒI TIỀN THANH TOÁN CỔ PHẦN MUA LẠI HOẶC CỔ TỨC

Trường hợp việc thanh toán Cổ Phần mua lại trái với quy định tại Khoản 1 Điều 16 của Điều Lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 38 của Điều Lệ này thì các Cổ Đông phải hoàn trả cho Công Ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp Cổ Đông không hoàn trả được cho Công Ty thì tất cả thành viên HĐQT phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho Cổ Đông mà chưa được hoàn lại.

CHƯƠNG VI

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 18. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công Ty bao gồm:

1. ĐHĐCĐ;
2. HĐQT;
3. Ban Kiểm soát
4. Ban Tổng Giám đốc;

5. Bộ máy giúp việc: Kế toán trưởng và các Phòng, ban, bộ phận chuyên môn.

CHƯƠNG VII

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 19. QUYỀN HẠN CỦA ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty và, không bị giới hạn và ảnh hưởng bởi các quyền của HĐQT theo Điều Lệ này, thực hiện tất cả các quyền hạn của Công Ty.
2. ĐHĐCĐ bao gồm tất cả các Cổ Đông có quyền biểu quyết theo quy định của Điều Lệ này.
3. ĐHĐCĐ có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Công Ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty.;
 - đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công Ty;
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công Ty và cổ đông công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công Ty;
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động HĐQT, Ban kiểm soát;
 - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 20. CUỘC HỌP CỦA ĐHĐCĐ

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại Hội Đồng Cổ Đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên sẽ quyết định về các vấn đề theo quy định của Pháp Luật.
2. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty;

- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
4. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo quy định tại Khoản 3 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, BKS thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh Nghiệp. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì BKS phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công Ty.
5. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 4 Điều này thì Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều Lệ này có quyền đại diện Công Ty triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.
6. ĐHĐCĐ có thể tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.
7. Mọi chi phí cần thiết để triệu tập và thực hiện cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Công Ty chi trả, tuy nhiên, để rõ ràng, thì các chi phí này sẽ không bao gồm các khoản mà các Cổ Đông phải chịu khi tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 21. QUYỀN DỰ HỌP ĐHĐCĐ

1. Cổ Đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp ĐHĐCĐ hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 2, Điều này.
2. Cổ Đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử
 - đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác phù hợp với quy chế tổ chức ĐHĐCĐ và Nghị quyết của ĐHĐCĐ tùy từng thời điểm.
3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp Cổ Đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của Cổ Đông đó và người được ủy quyền dự họp.

b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của Cổ Đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, Người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông và người được uỷ quyền dự họp.

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.

b. Người uỷ quyền đã chấm dứt việc uỷ quyền.

5. Quy định tại Khoản 4 Điều này không áp dụng nếu Công Ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này chậm nhất hai mươi tư (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của ĐHĐCĐ.

Điều 22. TRIỆU TẬP HỌP ĐHĐCĐ, CHƯƠNG TRÌNH NỘI DUNG VÀ THÔNG BÁO MỜI HỌP

1. ĐHĐCĐ sẽ được triệu tập họp bởi HĐQT trừ khi quy định của Khoản 4, Khoản 5 Điều 20 Điều Lệ này được áp dụng.

2. Người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp ĐHĐCĐ:

a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ;

b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ Đông;

c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ. Dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, KSV;

e. Xác định thời gian và địa điểm họp;

g. Thông báo và gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ cho tất cả các Cổ Đông có quyền dự họp.

h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả Cổ Đông trong Danh sách Cổ Đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty.

4. Các tài liệu họp kèm thông báo mời họp ĐHĐCĐ sẽ được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ Đông hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty

bao gồm: (i) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; (ii) Phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp Công Ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 4 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu

6. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Khoản 3, Điều 10, Điều Lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề cần được đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải được làm thành văn bản và gửi tới Công Ty chậm nhất ba (03) ngày trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải có tên của Cổ Đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

7. Người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối các kiến nghị theo Khoản 6 của Điều này nếu:

a. Kiến nghị không được gửi đến đúng hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.

b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

Điều 23. THỂ THỨC, ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ tịch HĐQT (nếu có) hoặc thành viên HĐQT được các thành viên HĐQT còn lại bầu theo nguyên tắc đa số làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng BKS điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển Đại hội bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp. ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

2. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số Cổ Đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

4. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 3 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông dự họp.

5. Chỉ ĐHĐCĐ mới có quyền quyết định sửa đổi chương trình họp đã được gửi theo thông báo mời họp.

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả các Cổ Đông dự họp;
 - Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho các Cổ Đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Điều 24. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ thông qua mọi quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm cả các vấn đề như sau:

- Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công Ty;
- Định hướng phát triển công ty;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty.
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Tổ chức lại, giải thể Công Ty.

2. Không phụ thuộc vào Điều 146 Luật Doanh Nghiệp, thể thức cụ thể tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của cuộc họp được ĐHĐCĐ thông qua (nếu có) hoặc theo toàn quyền quyết định của ĐHĐCĐ. Việc biểu quyết và kiểm phiếu có thể được thực hiện bằng phần mềm máy tính hoặc bằng hình thức lấy ý kiến hoặc biểu quyết tại chỗ.

3. Không phụ thuộc vào Điều 149 Luật Doanh Nghiệp, trong trường hợp phê duyệt thông qua các quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, Chủ tịch HĐQT thực hiện theo trình tự, thủ tục như sau:

- Quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến (phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung sau: (i) tên, địa chỉ của trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công Ty, (ii) mục đích lấy ý kiến, (iii) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân của Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của Cổ Đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân của đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức; số lượng Cổ Phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông; (iv) vấn đề cần lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo; (v) thời hạn để gửi ý kiến cho Công Ty; và (vi) phương án biểu quyết “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến”; (vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT;

b. Gửi phiếu lấy ý kiến bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ Đông ghi trong danh sách Cổ đông có quyền lấy ý kiến văn bản chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Các tài liệu kèm theo phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ sẽ được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ Đông hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty (nếu có) theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ tùy từng thời điểm bao gồm: (i) Dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ; (ii) Các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Phiếu lấy ý kiến được gửi tới các Cổ đông như quy định tại Khoản này sẽ ghi rõ nơi và cách thức tải tài liệu. Công Ty sẽ gửi tài liệu kèm theo phiếu lấy ý kiến cho Cổ đông nếu Cổ đông yêu cầu.

c. Cổ Đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời về Công Ty theo quy định sau đây sau đây:

(i) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được để trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

(ii) Gửi fax hoặc thư điện tử đăng ký chính thức của Công Ty: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

d. Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công Ty, hoặc một hoặc một số thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền/phân công tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của đại diện BKS hoặc của Cổ Đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty; người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

e. Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các Cổ Đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công Ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty;

f. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty;

g. Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

4. Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua khi:

a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 5, Khoản 6 và Khoản 7 Điều này:

- (i) Loại Cổ Phần và tổng số Cổ Phần của từng loại;
 - (ii) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - (iii) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty.
 - (iv) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;
 - (v) Tổ chức lại hoặc giải thể Công Ty.
- b. Trừ các trường hợp quy định tại đoạn Điểm a Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 và Khoản 7 Điều này, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
- 5.** Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc KSV được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử được ĐHĐCĐ thông qua.
- 6.** Trường hợp thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
- 7.** Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 25. BIÊN BẢN HỌP ĐHĐCĐ

- 1.** Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể được ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký Biên bản họp.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
5. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả Cổ Đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi Biên bản họp ĐHĐCĐ có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty (nếu có).
6. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách Cổ Đông đăng ký dự họp, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 26. HIỆU LỰC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ VÀ YÊU CẦU HỦY BỎ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ

1. Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại Nghị quyết đó.
2. Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VIII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỲ

1. Số thành viên của HĐQT sẽ không ít hơn ba (03) người và không nhiều hơn mười một (11) người (hoặc một số lượng khác phù hợp với Pháp Luật tại từng thời điểm). Thành viên của HĐQT không nhất thiết phải là Cổ Đông của Công Ty hoặc có quốc tịch Việt Nam và cần đáp

ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 30 Điều Lệ này, Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh Nghiệp và Pháp Luật liên quan tại từng thời điểm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh Nghiệp.
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
- c. Các trường hợp khác theo quy định Pháp Luật tùy từng thời điểm.

4. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ trong trường hợp không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

Điều 28. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT

1. HĐQT là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra giám sát người đại diện theo pháp luật và các Cán bộ Quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định bởi Pháp Luật, Điều Lệ này, và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Cụ thể, HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty.
- b. Kiến nghị các loại Cổ Phần và tổng số Cổ Phần được quyền chào bán của từng loại.
- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công Ty.
- đ. Quyết định mua lại Cổ Phần theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 133 của Luật Doanh Nghiệp.
- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
- h. Thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, hợp đồng thương mại, dân sự, tài chính, hợp đồng và giao dịch khác, trừ các hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh từ Phó Ban trở lên; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và quyền lợi khác của những người quản lý đó. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó
- k. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty.

- l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, lập địa điểm kinh doanh, giao dịch và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; quyết định thành lập các uỷ ban, tiểu ban chuyên môn trực thuộc HĐQT để tham mưu giúp việc cho HĐQT trong việc quản trị, điều hành và quản lý doanh nghiệp và quyết định về nhận sự, tiền lương, phụ cấp, thù lao (nếu có) của các thành viên uỷ ban, tiểu ban đó.
- m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết;
- n. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên ĐHĐCĐ;
- o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công Ty;
- q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Nghị quyết của ĐHĐCĐ tùy từng thời điểm.
4. HĐQT phải báo cáo với ĐHĐCĐ về các hoạt động của mình, đặc biệt về các hoạt động giám sát đối với Tổng Giám đốc và các Cán bộ Quản lý trong năm tài chính.
5. Tùy theo tình hình thực tế và không trái Pháp Luật, HĐQT có thể giao, phân cấp hoặc uỷ quyền cho Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc hoặc bất kỳ người nào khác thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT nêu tại Điều này.
6. Các thành viên của HĐQT có thể được hưởng thù lao cho việc thực hiện công việc phù hợp với quyết định của ĐHĐCĐ.
7. Hội Đồng Quản Trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
8. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội Đồng Quản Trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công Ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công Ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công Ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 29. CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

1. HĐQT bầu Chủ tịch HĐQT và các Phó Chủ tịch HĐQT trong số thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Tổng Giám đốc Công Ty ngoại trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 156 Luật doanh nghiệp.
2. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội Đồng Quản Trị.
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội Đồng Quản Trị.
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị.
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

- e. Chủ tọa họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
 - f. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công Ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội Đồng Quản Trị.
4. Khi xét thấy cần thiết, Hội Đồng Quản Trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công Ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội Đồng Quản Trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên Hội Đồng Quản Trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ Hội Đồng Quản Trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công Ty;
 - d) Hỗ trợ Công Ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

Điều 30. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM THÀNH VIÊN HĐQT

Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công Ty và không nhất thiết phải là Cổ Đông của Công Ty.
- c) Thành viên HĐQT Công Ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác.

Điều 31. CUỘC HỌP HĐQT

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch HĐQT và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.
2. Hội Đồng Quản Trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường. HĐQT có thể họp tại trụ sở chính của Công Ty hoặc ở nơi khác.
3. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT khi có một trong các trường hợp sau đây:
- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác.
 - c. Có đề nghị của ít nhất hai thành viên HĐQT.

d. Các trường hợp khác do Chủ tịch HĐQT quyết định.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công Ty.

6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến KSV như đối với các thành viên HĐQT.

KSV có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp có mặt trực tiếp hoặc thông qua thành viên thay thế. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

8. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Khoản 10 Điều này.
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, hoặc bằng phương tiện khác.

9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

11. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị

12. Hợp thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Khi cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể quyết định lấy ý kiến các thành viên HĐQT có quyền biểu quyết bằng văn bản theo các thủ tục sau:

- a. Gửi thông báo lấy ý kiến bằng văn bản kèm theo các tài liệu có liên quan đến việc thông qua Nghị quyết cho các thành viên HĐQT; và
- b. Các thành viên HĐQT biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT ghi trong Thông báo lấy ý kiến.
- c. Chủ tịch HĐQT hoặc người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền tiến hành kiểm phiếu với sự giúp việc của Thư ký HĐQT và dưới sự giám sát của ít nhất một (01) thành viên HĐQT.
- d. Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết của HĐQT về các vấn đề đã được các thành viên HĐQT thông qua.

Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như một Nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ.

13. Các Nghị quyết HĐQT được thông qua tại cuộc họp HĐQT có 100% số thành viên HĐQT trực tiếp (bất kể có mặt trực tiếp, thông qua cuộc gọi hội thoại hoặc các hình thức giao tiếp khác) và ủy quyền tham dự, là hợp lệ và có hiệu lực, ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

CHƯƠNG IX

TỔNG GIÁM ĐỐC, NHÂN SỰ QUẢN LÝ

Điều 32. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Công Ty sẽ thiết lập hệ thống quản lý trong đó tổ chức quản lý sẽ chịu trách nhiệm và hoạt động dưới sự lãnh đạo của HĐQT. Công Ty sẽ có Tổng Giám đốc, (các) Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

Điều 33. TỔNG GIÁM ĐỐC

- 1.** HĐQT bổ nhiệm hoặc thuê Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty, chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước Pháp Luật về các quyền và nghĩa vụ được giao.
- 2.** Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 3.** Tổng Giám đốc có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 - a. Tổ chức thực hiện các Nghị quyết của HĐQT,
 - b. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, phương án đầu tư của Công Ty.
 - c. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công Ty.

- d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công Ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT.
 - e. Quyết định lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công Ty thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.
 - f. Tuyển dụng lao động.
 - g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
 - h. Được uỷ quyền cho cấp dưới hoặc người khác thực hiện một hoặc một số công việc thuộc thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm trước Pháp Luật và trước HĐQT về việc uỷ quyền đó.
 - i. Thực hiện các hoạt động khác thuộc trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều Lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, uỷ quyền hoặc phân cấp của HĐQT, Chủ tịch HĐQT, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và quy định của Pháp Luật.
4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo HĐQT và cuộc họp ĐHĐCĐ về việc thực hiện các trách nhiệm của mình và các công việc khác theo yêu cầu. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty theo đúng quy định của Pháp Luật, Điều lệ Công Ty, hợp đồng lao động ký với Công Ty, nghị quyết của HĐQT và các quy chế, quy định nội bộ của Công Ty tại từng thời điểm. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công Ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước Pháp Luật, phải bồi thường thiệt hại cho Công Ty và chịu mọi chế tài xử lý theo quy định của Công Ty và của Pháp Luật.

Điều 34. LAO ĐỘNG

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định về lao động trong quá trình sử dụng lao động của Công Ty. Người đại diện theo pháp luật có quyền ban hành các quy chế nội bộ của Công Ty theo thẩm quyền hoặc theo uỷ quyền, phân cấp của HĐQT để ràng buộc tất cả các nhân viên của Công Ty.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 35. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

- 1. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:
 - a. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh Nghiệp, Pháp Luật có liên quan, Điều Lệ này và Nghị quyết của ĐHĐCĐ;
 - b. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công Ty;
 - c. Trung thành với lợi ích của Công Ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;
 - e. Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.
- 2. Công Ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội Đồng Quản Trị, trả lương, thưởng cho Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của Pháp Luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty và phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên.

4. Người quản lý Công Ty bao gồm: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và các cá nhân khác do HĐQT xác định tùy từng thời điểm.

Điều 36. TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG

1. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công Ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công Ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công Ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, Cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công Ty (hay công ty con của Công Ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công Ty (hay công ty con của Công Ty) với tư cách thành viên HĐQT, Cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công Ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công Ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để bảo hiểm những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. THÀNH LẬP BKS

1. ĐHĐCĐ sẽ thành lập BKS theo quy định của Luật Doanh Nghiệp hoặc khi ĐHĐCĐ thấy cần thiết. BKS có từ ba (03) đến năm (05) thành viên, nhiệm kỳ của KSV không quá năm (05) năm và KSV có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. BKS sẽ có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh Nghiệp và theo quy định tại Điều Lệ này, chủ yếu bao gồm:

- a. Thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công Ty.
- b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Công Ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của

HDQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông.

d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công Ty.

e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Khoản 3, Điều 10 của Điều Lệ này.

f. Khi có yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Khoản 3, Điều 10 của Điều Lệ này, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HDQT và Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại Khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HDQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty.

g. Kiến nghị HDQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty.

h. Khi phát hiện có thành viên HDQT, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 35 của Điều Lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HDQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

i. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HDQT và các cuộc họp khác của Công Ty.

j. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công Ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

k. BKS có thể tham khảo ý kiến của HDQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.

l. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ này và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

3. KSV phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d. Không được giữ các chức vụ quản lý Công Ty; không nhất thiết phải là Cổ Đông hoặc người lao động của Công Ty; và

đ. Tiêu chuẩn và điều kiện khác (nếu có) theo quy định của Pháp Luật liên quan và Nghị quyết của ĐHĐCĐ tại từng thời điểm.

4. Việc biểu quyết bầu KSV được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.
5. BKS sẽ bầu một trong số các KSV làm Trưởng BKS theo nguyên tắc đa số. Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập các buổi họp của BKS và chủ tọa các buổi họp đó; và
 - b. Yêu cầu Công Ty cung cấp các thông tin có liên quan, và gửi tới cho tất cả các thành viên BKS.
6. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
7. KSV được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS.
8. KSV bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Nếu thành viên đó không còn đủ tiêu chuẩn điều kiện làm KSV theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
9. KSV bị bãi nhiệm theo quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG XII

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 38. CỔ TỨC

1. Cổ tức trả cho Cổ Phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại Cổ Phần ưu đãi.
2. Cổ tức trả cho Cổ Phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công Ty. Công Ty chỉ được trả cổ tức cho Cổ Đông khi Công Ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp Luật; trích lập các quỹ Công Ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Công Ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công Ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng Cổ Phần của Công Ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều Lệ Công Ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của Cổ Đông.

4. Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Công Ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của Cổ Đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của Cổ Đông. Nếu Công Ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của Cổ Đông thì Công Ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.
5. HĐQT phải lập danh sách Cổ Đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng Cổ Phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả Cổ Đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công Ty và địa chỉ trụ sở chính của Công Ty; họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ Đông là tổ chức; số lượng Cổ Phần từng loại của Cổ Đông; mức cổ tức đối với từng Cổ Phần và tổng số cổ tức mà Cổ Đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công Ty.
6. Trường hợp Cổ Đông chuyển nhượng Cổ Phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Cổ Đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công Ty.
7. Việc trích lập các quỹ do ĐHCĐ quyết định theo đề nghị của HĐQT Công Ty phù hợp với quy định của Pháp Luật.
8. Nguyên tắc chịu lỗ: Cổ Đông chịu lỗ theo tỷ lệ số Cổ Phần mà Cổ Đông sở hữu.

CHƯƠNG XIII

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 39. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG

1. Công Ty có thể mở tài khoản dưới bất kỳ hình thức nào, Việt Nam Đồng hoặc ngoại tệ và dù là vãng lai, tiền gửi hoặc khác, tại một Ngân hàng Việt Nam hoặc ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam phù hợp với Pháp Luật.
2. Tùy thuộc vào sự phê chuẩn trước bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Công Ty có thể mở tài khoản ở nước ngoài.

Điều 40. NĂM TÀI CHÍNH

1. Năm tài chính của Công Ty sẽ bắt đầu vào ngày đầu tiên của Tháng 1 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của cùng năm đó. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của cùng năm đó.
2. Hàng năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, việc lập quỹ theo quy định của Pháp Luật do ĐHCĐ Công Ty quyết định.

Điều 41. BÁO CÁO VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

1. Công Ty sẽ thực hiện Hệ thống kế toán Việt Nam (VAS), hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính duyệt, và sẽ lưu giữ các sổ sách kế toán theo thông lệ kế toán chung của Việt Nam.
2. Công Ty sẽ lưu trữ sổ sách kế toán thể hiện bằng đồng VNĐ. Sổ sách này có thể được chuyển sang thể hiện bằng tiền USD trong trường hợp HĐQT yêu cầu.
3. Công Ty lưu giữ các sổ sách theo đề mục hoạt động kinh doanh mà sổ sách đó liên quan tới. Việc lưu trữ phải chính xác, cập nhật và có hệ thống, đủ để trình bày và mô tả các giao dịch của Công Ty.
4. Tất cả các tài liệu và báo cáo tài chính kế toán quan trọng phải được phê duyệt và ký bởi người đại diện theo Pháp Luật và Kế toán trưởng.

Điều 42. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH TRONG TƯƠNG LAI

1. Các Cổ Đông không có nghĩa vụ đóng góp thêm tài chính cho Công Ty
2. Công Ty có thể tăng vốn, phát hành Cổ Phần ra công chúng, và phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi hoặc các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

CHƯƠNG XIV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HÀNG NĂM, CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

Điều 43. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HÀNG NĂM

Công Ty phải chuẩn bị báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của Pháp Luật và quy định của Bộ tài chính.

Điều 44. KIỂM TOÁN

1. Trong trường hợp theo yêu cầu của Pháp Luật hoặc khi cần thiết, một Công Ty kiểm toán có uy tín sẽ được do ĐHCĐ lựa chọn hoặc ủy quyền cho HĐQT thông qua là công ty kiểm toán chính thức của Công Ty để thực hiện việc kiểm toán cho Công Ty trong năm tài chính dựa trên những điều kiện và điều khoản thỏa thuận với Công Ty. Chi phí cho việc kiểm toán sẽ do Công Ty chịu.
2. Công Ty chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công Ty kiểm toán sau khi hết năm tài chính;
3. Công Ty kiểm toán sẽ kiểm tra, xác nhận và lập báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm, liệt kê các khoản thu nhập và chi phí của Công Ty, và lập báo cáo kiểm toán và trình nộp Công Ty theo thời hạn thỏa thuận.

Điều 45. CON DẤU CỦA CÔNG TY

Công ty có quyền quyết định về loại dấu, hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 46. BÁO CÁO

1. Công Ty sẽ trình nộp cho các Cổ Đông các tài liệu thuộc quyền kiểm tra, xem xét của các Cổ Đông theo quy định

2. Công Ty xem xét cho phép các Cổ Đông hoặc thành viên của HĐQT thảo luận với các công ty kiểm toán của Công Ty về bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan tới việc kiểm toán của Công Ty.

Điều 47. BẢO MẬT

Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của HĐQT, thì không một thành viên nào của HĐQT, BKS, Cán bộ Quản lý, Cổ Đông hoặc Người Có Liên Quan nào được phép tiết lộ bất kỳ thông tin nào liên quan tới Công Ty hoặc các hoạt động kinh doanh của Công Ty mà thông tin đó không được phổ biến hoặc không dễ suy luận từ các thông tin đã được phổ biến rộng rãi, trừ khi người tiếp nhận thông tin là:

1. Công Ty con của Công Ty (nếu có); hoặc
2. Các Cổ Đông theo như quy định tại Điều Lệ này hoặc được quyết định của ĐHĐCĐ; hoặc
3. Cán bộ quản lý và nhân viên của Công Ty hoặc các kiểm toán viên, tư vấn với lý do những người này cần biết thông tin để thực hiện công việc của mình trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công Ty. Nhưng trong các trường hợp này, người tiếp nhận thông tin phải bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác; hoặc
4. Các Cổ Đông hoặc Tổng Giám đốc của Cổ Đông (trường hợp Cổ Đông là pháp nhân), hoặc các tư vấn và nhà cung cấp dịch vụ của Cổ Đông, với điều kiện là những người này phải cam kết bằng văn bản sẽ bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác; hoặc
5. Cho một số lượng nhất định các nhà đầu tư tiềm năng đang tìm kiếm cơ hội để mua, trực tiếp hoặc gián tiếp, bất kỳ Cổ Phần nào trong Công Ty, với điều kiện là những người này phải cam kết bằng văn bản sẽ bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác; hoặc
6. Các nội dung được yêu cầu phải cung cấp thông tin theo quy định của Pháp Luật, quy định về giao dịch chứng khoán hoặc theo lệnh, yêu cầu, của một cơ quan toà án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hoặc
7. Cơ quan thuế theo yêu cầu hợp lý và nhằm mục đích phục vụ việc kê khai nộp thuế mà Cổ Đông liên quan.

CHƯƠNG XV

GIẢI THỂ

Điều 48. GIẢI THỂ

1. Phù hợp với quy định của Pháp Luật, Công Ty bị giải thể trong các trường hợp sau:
 - a. Kết thúc Thời Hạn Hoạt Động đã ghi trong Điều Lệ mà không có quyết định gia hạn.
 - b. Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ..

- c. Bị thu hồi Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.
 - d. Không đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp Luật trong thời gian sáu (06) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; hoặc
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.
2. Quyết định giải thể Công Ty trước thời hạn phải được ĐHĐCĐ thông qua và được HĐQT thực hiện, và phải được thông báo tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền nếu cần thiết. Thủ tục giải thể được thực hiện phù hợp với quy định của Điều 208 của Luật Doanh Nghiệp.

Điều 49. THANH LÝ

1. Khi có quyết định giải thể Công Ty, ĐHĐCĐ phải thành lập Ban Thanh lý bao gồm các thành viên HĐQT. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các thủ tục để hoạt động. Nhân viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn từ các nhân viên của Công Ty hoặc người ngoài Công Ty. Mọi chi phí phát sinh từ việc thanh lý sẽ do Công Ty ưu tiên chi trả trước khi thanh toán các nghĩa vụ khác, trừ khi Pháp Luật có quy định khác.
2. Ban Thanh lý sẽ đại diện Công Ty trong mọi công việc liên quan tới quá trình thanh lý trước toà án và các cơ quan hành chính.
3. Số tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo Pháp Luật.

CHƯƠNG XVI

THÔNG BÁO, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Điều 50. THÔNG BÁO

1. Bất kỳ thông báo nào theo Điều Lệ này phải được lập thành văn bản bằng tiếng Việt và phải được gửi bằng thư tay hoặc bưu điện hoặc gửi fax tới địa chỉ ghi trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông.
2. Bất kỳ thông báo được gửi đi như dưới đây sẽ được xem như đã được nhận:
 - a. Nếu được trao tận tay, tại thời điểm giao nhận hoặc thời điểm từ chối nhận.
 - b. Nếu được gửi bằng đường bưu điện, ba (03) ngày sau ngày sau khi gửi (hoặc bảy (07) ngày sau ngày gửi nếu được gửi đi hoặc đến từ ngoài lãnh thổ Việt Nam); hoặc
 - c. Nếu được gửi bằng fax, khi máy fax của người gửi có tín hiệu báo việc gửi fax đã hoàn tất, trừ khi trong vòng tám tiếng đồng hồ sau khi gửi, người nhận thông báo rằng họ vẫn chưa nhận được toàn bộ bản fax.
3. Trường hợp Cổ Đông là một nhóm người cùng đứng tên, thì thông báo sẽ được gửi cho người có tên đứng đầu tiên trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông và thông báo gửi cho người đó sẽ có giá trị cho tất cả những người khác.

4. Công Ty sẽ thực hiện các nỗ lực hợp lý để bảo đảm tính chính xác của các địa chỉ trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông, và Chủ tịch HĐQT sẽ sửa đổi các địa chỉ của Cổ Đông nếu nhận được thông báo bằng văn bản từ Cổ Đông đó.

Điều 51. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

1. Trường hợp có tranh chấp hoặc khiếu nại phát sinh liên quan tới hoạt động của Công Ty hoặc các quyền của Cổ Đông theo Điều Lệ này hoặc theo quy định của Pháp Luật, giữa:

- a. Cổ Đông và Công Ty; hoặc
- b. Cổ Đông và HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc hoặc Cán bộ quản lý; hoặc
- c. Cổ Đông và Cổ Đông khác,

thì các bên liên quan sẽ cố gắng cùng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hoà giải.

2. Trường hợp không đạt được thoả thuận hoà giải trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày bắt đầu quá trình hoà giải, hoặc đề nghị hoà giải không được hai bên đồng ý, thì bất kỳ bên nào cũng có thể đưa vụ việc ra Tòa án cấp có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết. Phán quyết của Tòa án sẽ là cơ sở để các bên thực hiện.

3. Chi phí sẽ do bên thua kiện chịu, trừ khi phán quyết của Tòa án có quyết định khác.

CHƯƠNG XVII

HIỆU LỰC ĐIỀU LỆ

Điều 52. NGÀY HIỆU LỰC

1. Điều Lệ này gồm 17 chương với 52 Điều, được ĐHĐCĐ Công Ty thông qua hợp lệ và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều Lệ này.

2. Điều Lệ này được làm thành hai (02) bản gốc bằng Tiếng Việt có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty. Các nội dung không quy định tại Điều Lệ này hoặc thoả thuận riêng của các Cổ Đông được thực hiện theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Pháp Luật hiện hành.

3. Điều Lệ này có hiệu lực kể từ ngày được ĐHĐCĐ Công Ty thông qua ngày .../.../2023.

4. Các bản sao chép hoặc trích lục Điều Lệ này chỉ có giá trị khi được người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật của Công Ty ủy quyền ký.

CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT